

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HN&GD-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sơn.
2. Ông Đoàn Công Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Trong ngày tháng năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HN&GD, ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 18 tháng 7 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2022/QĐST-HN&GD ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTHV, sinh năm: 1994;

Nơi cư trú: Số A, đường NAN, tổ B, khu phố C, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Anh PLN, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Số A1, đường NGT, khu phố B1, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 08/02/2022, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị LTHV thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh PLN tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 98/KH, ngày 11/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh N thiếu sự quan tâm đến đời sống kinh tế gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn chứng nào tật đó, không lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh N nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh PLN đã không hợp tác, không tham gia tố tụng. Qua xác minh, xác định anh PLN hiện đang có hộ khẩu thường trú tại khu phố 9, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT. Tuy nhiên anh N thường xuyên không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh N đã thực sự nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó, căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị LTHV là có căn cứ.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 01/4/2022, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp về Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh N vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, là trường hợp được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/8/2022, bị đơn anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Chị LTHV và anh PLN có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do không hợp nhau, anh N thiếu sự quan tâm đến gia đình, không chăm lo xây dựng kinh tế gia đình. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau nhưng anh N không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện chị V đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh N nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N. Mặt khác chị V và anh N đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian này chị V, anh N không ai quan tâm đến ai, ai cũng có cuộc sống riêng của mình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị V với anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị LTHV là người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị LTHV và anh PLN là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị V thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị LTHV.

1. Về hôn nhân: Chị LTHV ly hôn anh PLN.

2. Về án phí: Chị LTHV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị V đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009233, ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND thị trấn Võ Xu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa